

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Huỳnh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà 45/10A, ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Thành L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số nhà 95 ấp S, xã H, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị Huỳnh T trình bày: Bà và ông Phan Thành L có tình cảm và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Sau đó, bà và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 16/4/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L thường

xuên uống rượu, đánh đập bà và không lo làm ăn, lo cho vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, nên bà đã bỏ về nhà sinh sống với cha mẹ ruột ở Thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thành L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông L có 02 con chung tên là Phan Ngọc Hải Y, sinh ngày 08/10/2009, giới tính: Nữ và Phan Ngọc Hoàng K, sinh ngày 28/10/2013, giới tính: Nam. Hiện tại, cháu K đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Y đang sống với gia đình của ông L. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông L không có tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Thành L trình bày: Ông thống nhất với bà T với thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2016, ông không có việc làm nên ông có uống rượu dẫn đến nóng tánh đôi khi có đánh đập bà T, nhưng ông vẫn chăm lo gia đình. Ông cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì là trầm trọng. Ông xin Tòa án hòa giải cho ông và bà T được đoàn tụ. Nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có 02 con chung như là bà T trình bày. Trường hợp nếu Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao hai con cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung và vợ chồng không có nợ ai, nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần, nhưng không thành

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn ông Phan Thành L vắng mặt. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Huỳnh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Thị Huỳnh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Phan Thành L. Ông L đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phan Thành L được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông L vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Huỳnh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 064/2012 quyền số 01/2012 đăng ký ngày 16/4/2012 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống bà T và ông L đã phát sinh mâu thuẫn và bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2016 cho đến nay. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông L, nhưng ông L không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho ông L và bà T. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ vào các ngày 20/7/2017 và ngày 29/7/2017, nhưng không đoàn tụ được do ông L không đưa ra bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông L. Tòa án triệu tập ông L tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt dù đã tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, chứng tỏ ông L cũng không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L là có thật và tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L và áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 cho bà Trịnh Thị Huỳnh T được ly hôn với ông Phan Thanh L là phù hợp.

[3.2] Về nuôi con chung: Hiện tại, cháu Phan Ngọc Hoàng K, sinh ngày 28/10/2013 đang sống chung với bà T và cháu Phan Ngọc Hải Y, sinh ngày 08/10/2009 đang sống với gia đình ông L. Hiện tại, ông L đang làm ăn ở tỉnh khác thường không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y mà để cha mẹ của ông L nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, cháu Y có nguyện vọng sống với bà T. Bà T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Y và ông L cũng có ý kiến đồng ý để bà T nuôi dưỡng hai con chung. Hiện tại, bà T đang chăn nuôi tại gia đình, nên cũng có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào yêu cầu của các bên, nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L có trách nhiệm giao cháu Phan Ngọc Hải Y cho bà T nuôi dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về chia tài sản, về nợ chung: bà T và ông L đều xác định không có tài sản chung và không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trịnh Thị Huỳnh T.

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Huỳnh T được ly hôn với ông Phan Thành L.

2. Về nuôi con chung: Bà Trịnh Thị Huỳnh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Ngọc Hải Y, sinh ngày 08/10/2009, giới tính: Nữ và Phan Ngọc Hoàng K, sinh ngày 28/10/2013, giới tính: Nam. Ông Phan Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Phan Thành L có trách nhiệm giao cháu Phan Ngọc Hải Y cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Huỳnh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000634 ngày 02/6/2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Trịnh Thị Huỳnh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Trịnh Thị Huỳnh T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phan Thành L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tiền Phương